

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm 01 xe ô tô Ford Ranger Wildtrak 2.0L AT4x4

Dự án: Đầu tư xe bán tải phục vụ quản lý vận hành Chi nhánh Sông Đà 405

Phát hành ngày: 15/11/2018

Ban hành kèm theo Quyết định: 386 CT/KTeCL ngày 15/11/2018

Bên mời thầu

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Dũng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư/bên mời thầu	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư: Công ty cổ phần Sông Đà 4
2. Tên bên mời thầu: Công ty cổ phần Sông Đà 4
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu số 01: Mua sắm 01 xe ô tô Ford Ranger Wildtrak 2.0L AT4x4

Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

4. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu 03a(1) và Mẫu 03a(2) Chương III;

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty cổ phần Sông Đà 4 – Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê – Phường La Khê – Quận Hà Đông – TP Hà Nội, điện thoại: 024.22253462; Fax: 024.22253467 không muộn hơn 16 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2018. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

ST T	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Bảo hành	Các yêu cầu khác (nếu có)
1	Xe ô tô con	<p>1. Thông số chung: + Tên, ký hiệu xe ô tô: Ford Ranger Wildtrak 2.0L AT 4x4 + Xuất xứ: Thái Lan + Số lượng: 01 xe + Năm sản xuất: 2018 + Chất lượng: mới 100% + Tính đồng bộ: Xe nhập khẩu nguyên chiếc chính hãng</p> <p>2. Đặc tính kỹ thuật: + Loại Cabin: cabin kép + Động cơ: Bi Turbo Diesel 2.0L i4 TDCi + Dung tích xi lanh (cc): 1.996 + Công suất cực đại (PS/rpm): 213(156,7 KW)/3750 + Mô men xoắn cực đại (Nm): 500 (tại vòng tua 1750-2000) + Tiêu chuẩn khí thải: EURO Stagel 4 + Hệ thống truyền động: Hai cầu chủ động + Gài cầu điện: có + Khóa vi sai cầu sau: có + Hộp số: tự động 10 cấp + Trợ lực lái: trợ lực lái điện + Dài x rộng x cao (mm): 5362 x 1860 x 1830 + Khoảng sáng gầm xe (mm): 200 + Chiều dài cơ sở (mm): 3220 + Bán kính vòng quay tối thiểu (mm): 6530 + Dung tích thùng nhiên liệu (L): 80L</p>	01	03 năm hoặc 100.000 km đầu tiên	Giao hàng và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật tại Hà Nội.

	<ul style="list-style-type: none">+ Hệ thống treo trước: Hệ thống treo độc lập, tay đòn kép, lò xo trụ và ống giảm chấn+ Hệ thống treo sau: Loại nhíp với ống giảm chấn+ Phanh trước: Phanh đĩa+ Phanh sau: Tang trống+ Cỡ lốp: 265/60R18+ Bánh xe: Vành hợp kim nhôm đúc 18 inch+ Túi khí phía trước: 02 túi khí+ Túi khí bên hông: Có+ Túi khí rèm: Có+ Camera lùi: Có+ Cảm biến hỗ trợ đỗ xe: Có+ Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) và phân phối lực phanh điện tử (ABD): Có+ Hệ thống cân bằng điện tử (ESP): Có+ Hệ thống kiểm soát giảm thiểu lật xe: Có+ Hệ thống kiểm soát xe theo tải trọng: Có+ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc: Có+ Hệ thống hỗ trợ đổ đèo: Có+ Hệ thống kiểm soát hành trình: Tự động+ Hệ thống cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường: Có+ Hệ thống cảnh báo va chạm phía trước: Có+ Hệ thống hỗ trợ đỗ xe chủ động song song: Có+ Hệ thống chống trộm: báo động chống trộm bằng cảm biến chuyển động.+ Cụm đèn pha phía trước: HID Projector có khả năng tự động bật tắt bằng cảm biến ánh sáng+ Đèn chạy ban ngày: Có+ Gạt mưa tự động: Có+ Đèn sương mù: Có+ Gương chiếu hậu bên ngoài: sơn đen bóng, điều chỉnh, gập điện.+ Bộ trang bị thể thao: Giá nóc,			
--	--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> + thanh sport bar, lót thùng + Chìa khóa thông minh: Có + Khởi động bằng nút bấm: Có + Điều hoà nhiệt độ: Tự động 2 vùng khí hậu + Vật liệu ghế: Da pha nỉ cao cấp + Tay lái: Bọc da + Ghế lái trước: Chính điện 8 hướng + Ghế lái sau: Ghế băng gập được có tựa đầu + Gương chiếu hậu trong: Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày và đêm + Cửa kính điều khiển điện: Có (1 chạm lên xuống tích hợp chức năng chống kẹt bên người lái) + Hệ thống âm thanh: AM/FM, CD 1 đĩa, MP3, Ipod, USB, Bluetooth, 6 loa + Hệ thống chống ồn chủ động: Có + Công nghệ giải trí SYNC: điều khiển giọng nói, màn hình cảm ứng 8 inch + Bản đồ dẫn đường: Có + Điều khiển âm thanh trên tay lái: Có 			
--	---	--	--	--

Bảng số 2. Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện	Ngày hoàn thành
1	Cung cấp tài liệu hướng dẫn vận hành và tra cứu phụ tùng	bộ	01	Hà Nội	Ngay khi giao xe
2	Bảo trì thay dầu miễn phí 1000 km đầu tiên	Lần	01	Hà Nội	Khi đến 1000 km đầu tiên

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm 01 xe ô tô Ford Ranger Wildtrak 2.0L AT4x4

Tên dự án: Dự án đầu tư xe bán tải phục vụ quản lý vận hành Chi nhánh Sông Đà 405

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Xe ô tô con Ford Ranger Wildtrak 2.0L AT 4×4 2018	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
<p align="center">Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)</p>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền
1	<p>Xe ô tô con Ford Ranger Wildtrak 2.0L AT 4×4 2018</p> <p>1. Thông số chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên, ký hiệu xe ô tô: Ford Ranger Wildtrak 2.0L AT 4×4 + Xuất xứ: Thái Lan + Số lượng: 01 xe + Năm sản xuất: 2018 + Chất lượng: mới 100% + Tính đồng bộ: Xe nhập khẩu nguyên chiếc chính hãng <p>2. Đặc tính kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Loại Cabin: cabin kép + Động cơ: Bi Turbo Diesel 2.0L i4 TDCi + Dung tích xi lanh (cc): 1.996 + Công suất cực đại (PS/rpm): 213(156,7 KW)/3750 + Mô men xoắn cực đại (Nm): 500 (tại vòng tua 1750-2000) + Tiêu chuẩn khí thải: EURO Stagel 4 + Hệ thống truyền động: Hai cầu chủ động + Gài cầu điện: có + Khóa vi sai cầu sau: có + Hộp số: tự động 10 cấp + Trợ lực lái: trợ lực lái điện + Dài x rộng x cao (mm): 5362 x 1860 x 1830 + Khoảng sáng gầm xe (mm): 200 + Chiều dài cơ sở (mm): 3220 + Bán kính vòng quay tối thiểu (mm): 6530 + Dung tích thùng nhiên liệu (L): 80L 	Cái	01			MI

<ul style="list-style-type: none">+ Hệ thống treo sau: Loại nhíp với ống giảm chấn+ Phanh trước: Phanh đĩa+ Phanh sau: Tang trống+ Cỡ lốp: 265/60R18+ Bánh xe: Vành hợp kim nhôm đúc 18 inch+ Túi khí phía trước: 02 túi khí+ Túi khí bên hông: Có+ Túi khí rèm: Có+ Camera lùi: Có+ Cảm biến hỗ trợ đỗ xe: Có+ Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) và phân phối lực phanh điện tử (ABD): Có+ Hệ thống cân bằng điện tử (ESP): Có+ Hệ thống kiểm soát giảm thiểu lật xe: Có+ Hệ thống kiểm soát xe theo tải trọng: Có+ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc: Có+ Hệ thống hỗ trợ đổ đèo: Có+ Hệ thống kiểm soát hành trình: Tự động+ Hệ thống cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường: Có+ Hệ thống cảnh báo va chạm phía trước: Có+ Hệ thống hỗ trợ đỗ xe chủ động song song: Có+ Hệ thống chống trộm: báo động chống trộm bằng cảm biến chuyển động.+ Cụm đèn pha phía trước: HID Projector có khả năng tự động bật tắt bằng cảm biến ánh sáng+ Đèn chạy ban ngày: Có+ Gạt mưa tự động: Có+ Đèn sương mù: Có+ Gương chiếu hậu bên ngoài: sơn đen bóng, điều chỉnh, gập điện.+ Bộ trang bị thể thao: Giá nóc, thanh sport bar, lót thùng+ Chìa khóa thông minh: Có+ Khởi động bằng nút bấm: Có+ Điều hoà nhiệt độ: Tự động 2 vùng khí hậu					
---	--	--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> + Vật liệu ghế: Da pha nỉ cao cấp + Tay lái: Bọc da + Ghế lái trước: Chính điện 8 hướng + Ghế lái sau: Ghế băng gập được có tựa đầu + Gương chiếu hậu trong: Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày và đêm + Cửa kính điều khiển điện: Có (1 chạm lên xuống tích hợp chức năng chống kẹt bên người lái) + Hệ thống âm thanh: AM/FM, CD 1 đĩa, MP3, Ipod, USB, Bluetooth, 6 loa + Hệ thống chống ồn chủ động: Có + Công nghệ giải trí SYNC: điều khiển giọng nói, màn hình cảm ứng 8 inch + Bản đồ dẫn đường: Có + Điều khiển âm thanh trên tay lái: Có 	Cái	01			M1
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						M=M1

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

ST T	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
1	Cung cấp tài liệu hướng dẫn vận hành và tra cứu phụ tùng	bộ	01	Hà Nội	Ngay khi giao xe		
2	Bảo trì thay dầu miễn phí 1000 km đầu tiên	Lần	01	Hà Nội	Khi đến 1000 km đầu tiên		
<p>Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i></p>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: số 01: Mua sắm 01 xe ô tô Ford Ranger Wildtrak 2.0L AT4x4

Dự án: Đầu tư xe bán tải phục vụ quản lý vận hành Chi nhánh Sông Đà 405

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Mua sắm 01 xe ô tô Ford Ranger Wildtrak 2.0L AT4x4 của Công ty cổ phần Sông Đà 4 và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Công ty cổ phần Sông Đà 4;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Công ty cổ phần Sông Đà 4

Địa chỉ: Tầng 3 – Tòa nhà TM – Khu đô thị Văn Khê – Phường La Khê – Quận Hà Đông – TP Hà Nội

Điện thoại: 024.22253465

Fax: 024.22253467

E-mail:

Tài khoản: 62010000000054 tại BIDV Gia Lai

Mã số thuế: 5900189325

Đại diện là ông: Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ: Tổng giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
 - b) Thời hạn thanh toán: Thỏa thuận sau

Điều 6. Loại hợp đồng: trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Bên B giao hàng và hướng dẫn sử dụng cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Bên A yêu cầu điều chỉnh số lượng, chủng loại máy tính. Khi đó, hai bên sẽ thương thảo ký kết phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1

của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong bản yêu cầu báo giá, cụ thể là: Khi giao hàng, Bên B giao cho Bên A đầy đủ các chứng từ sau: Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa, phiếu bảo hành, hóa đơn thuế VAT 10%.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B có trách nhiệm vận chuyển hàng đến nhà máy của Bên A để lắp đặt.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Bên A sẽ cho chạy thử 24h để phục vụ công tác nghiệm thu. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và

Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 12. Bản quyền hàng hóa

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Bên B có trách nhiệm bảo hành hàng hóa trong vòng 03 năm hoặc 100.000 km đầu tiên kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa, trong thời gian bảo hành, nếu xảy ra hư hỏng do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất thì Bên B có trách nhiệm sửa chữa trong vòng 48h kể từ khi nhận được thông báo của Bên A, địa điểm bảo hành tại Hà Nội, toàn bộ chi phí do Bên B chịu.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại tòa án kinh tế thành phố Hà Nội, quyết định của tòa án là cơ sở để hai bên thực hiện, án phí do bên có lỗi chịu.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

2. Hợp đồng tự động hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình.

Hợp đồng được lập thành 4 bộ, Bên A giữ 02 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) trong bản yêu cầu báo giá này].